

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phụng
2. Bà Đào Thị Thu Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 541/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà 553, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 553, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Kim C trình bày: chị và anh Trần Thanh T quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2002, cùng chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, cả hai sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tôn trọng, bất đồng quan điểm thường xuyên mâu thuẫn, anh T tính gia trưởng hay đánh đập chị; kể từ đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn sống chung từ thời điểm đó cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc

sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin ly hôn với Trần Thanh T.

- Về con chung: chị C, anh T có 02 con chung Trần Thanh N, sinh năm 2003, đã thành niên và Trần Chí Tr, sinh ngày 05/12/2014, khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay sống cùng anh T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị C thay đổi nguyện vọng về người trực tiếp nuôi con, theo đó, chị đồng ý giao cháu Tr cho anh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- Bản sao Giấy khai sinh 02 con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của chị Lê Thị Kim C ngày 23/11/2021;

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn về tình cảm, tiếp tục chung sống với nhau nhưng anh T đều vắng mặt; chị C xác định chị chung sống với anh T từ năm 2002, có 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định; anh, chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau cho đến nay.

Tại phiên tòa,

- Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T, đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục; anh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Trần Thanh T tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chị Lê Thị Kim C và Trần Thanh T tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định; cả hai sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, anh T có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân từ thời điểm đó đến nay; Do đó, xác định là hôn nhân giữa chị C, anh T là không hợp pháp, không được pháp luật

thừa nhận, bảo vệ; nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị C, anh T là vợ chồng.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thanh N, sinh năm 2003 (đã thành niên) và Trần Chí Tr, sinh ngày 05/12/2014, thời gian ly thân cháu sống cùng chị C. Quá trình Tòa án giải quyết, cháu Tr sống cùng anh T, anh T chăm sóc, hiện đang sống cùng anh T. Sau khi ly hôn, chị C đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr, chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến phản hồi về việc nuôi con, cấp dưỡng nên không đề cập. Xét thấy, cháu Tr đã trên 7 tuổi, Tòa án đã yêu cầu chị C, anh T đưa cháu đến ghi nhận ý kiến nhưng anh T không thực hiện; chị C đồng ý giao cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Các đương sự không ý kiến, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản và nợ chung: không có, không đề cập.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Không công nhận chị Lê Thị Kim C và anh Trần Thanh T là vợ chồng;

- Giao anh Trần Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Chí Tr, sinh ngày 05/12/2014 đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Chị Lê Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: bị đơn Trần Thanh T, nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 11/3/2022, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa. Phiên

tòa được mở lại lần thứ hai ngày 30/3/2022, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp:

Chị C, anh T trên cơ sở quen biết, tìm hiểu, tiến tới hôn nhân vào năm 2002, chung sống với nhau trong suốt thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định; cả hai sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn sống chung từ thời điểm đó đến nay; Vì vậy, xác định là quan hệ hôn nhân giữa chị C, anh T không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Thời gian đầu cuộc sống giữa chị C, anh T hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, kể từ thời điểm ly thân chị C về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không còn sống chung nhà với anh T, vợ chồng không dành sự quan tâm, chia sẻ yêu thương lẫn nhau mà thay vào đó là dùng những lời lẽ lớn tiếng, xúc phạm, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn mục tiêu, ý chí xây dựng gia đình hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống; sống với nhau không hạnh phúc nên chị C xin ly hôn; trên cơ sở lời trình bày của chị C, xác minh của cán bộ Tòa án có căn cứ chị C, anh T không đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vì vậy, chị C yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận chị C với anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung Trần Thanh N, sinh năm 2003 (đã thành niên) và Trần Chí Tr, sinh ngày 05/12/2014, hiện sống cùng anh T. Sau khi ly hôn, chị C đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến phản hồi về việc nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng. Căn cứ giao con cho bên vợ hoặc bên chồng nuôi dưỡng cần xem xét đánh giá về các yếu tố tạo điều kiện phát triển của con chưa thành niên và nguyện vọng của cháu theo quy định của pháp luật. Cháu Trần Chí Tr, sinh ngày 05/12/2014 đang sống với anh T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, cháu sống cùng anh T nhưng anh T phối hợp với Tòa án trong việc lấy ý kiến cháu Tr. Tuy nhiên, cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu Tr cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị C, anh T được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim C. Không công nhận chị Lê Thị Kim C và anh Trần Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: giao con chung Trần Chí Tr, sinh ngày 05/12/2014 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Chị Lê Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009814 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị Lê Thị Kim C đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Kim C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Thanh Tâm được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSYA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Kim Cúc có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Thanh Tâm có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào lúc.....giờ.....phút cùng ngày có đọc lại cho các thành viên cùng nghe và cùng ký tên vào biên bản.

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong